TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **THÀNH PHỐ H** **-------***---------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------***----------
Số: 161/2018/QĐST-HN&GĐ	*M, ngày 24 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 210/2018/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Nhâm Kiều N,** sinh năm: 1990.

HKTT: Xóm 4, thôn Y, xã T, huyện M, Tp H

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã K, huyện T, tỉnh C

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn V,** sinh năm: 1985.

Trú tại: Xóm 4, thôn Y, xã T, huyện M, Tp H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nhâm Kiều N và **anh Nguyễn Văn V**

2. **Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Chị N và anh V có 01 con chung là: Nguyễn Ngọc A, sinh ngày: 15/02/2013.

+ Anh Nguyễn Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày: 15/02/2013đến khi thành niên đủ 18 tuổi.

Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung đối với chị N vì anh V không yêu cầu.

Chị N có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác, công nợ, công sức: Các bên thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

– Về án phí: Chị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 150.000đ *(Một trăm lăm mươi ngàn đồng)* nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016590 ngày 06/7/2018. Hoàn trả chị Nhâm Kiều N 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M
Thẩm phán

Nơi nhận:
- VKSND huyện M
- Chi cục THA huyện M
- Các đương sự;
- UBND xã T
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị N